

Bản án số: **276/2023/HC-PT**

Ngày 23/8/2023

V/v: **“*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán:

ông **Lê Tự**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Phước Thạnh**; Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 87/2023/TLPT-HC ngày 11/5/ 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1962; địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*** Người bị kiện:** UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ trụ sở: huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng N – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện C; vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đinh Thị H; địa chỉ: 994 Hùng Vương, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP D, Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện C.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh Phúc – Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Trung N, sinh năm 1984 – Chức vụ: Nhân viên khác hàng cá nhân; vắng mặt.

3. Ông Y O Ktla; sinh năm 1993; bà H D Niê, sinh năm 1958; bà Y B Niê, sinh năm 1987; bà H L Miê, sinh năm 1990; ông Y K Niê; sinh năm 1992; ông Y K Niê; sinh năm 1993; ông Y D Niê; sinh năm 1994; bà H Niê ; sinh năm 1996; bà H T Hwing, sinh năm 1930; cùng địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Bà H Niê ; sinh năm 1996; Ông Y O Ktla; sinh năm 1993; địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y O Ktla và bà H Niê : ông Nguyễn Tiến T - Luật sư Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã E, huyện C;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang B – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã E; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tuấn Đ – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E, huyện C; vắng mặt.

5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Nguyễn Đăng T trình bày: Vào năm 1990, gia đình tôi xin phép khai hoang được sự cho phép của xã E một mảnh đất có diện tích khoảng 40.000m², sau đó gia đình tôi khai hoang được một mảnh đất khoảng 60.000m², sau đó tôi cho em ruột tôi là ông Nguyễn Đăng K khoảng 30.000m², sau đó ông K giao dịch với ông K, tôi không rõ việc ký kết chuyển nhượng giữa các bên nhưng phần diện tích đất tôi cho ông K hiện nay ông K đang sử dụng. Đối với diện tích khoảng 30.000m² còn lại tôi hiện vẫn đang quản lý sử dụng từ năm 1990 cho đến nay. Phần đất 30.000 m² này theo trích lục bản đồ thì được chia thành 2 thửa đất gồm:

- Thửa đất thứ nhất là thửa đất số 706, tờ bản đồ số 83, diện tích 13.525,1 m², thửa đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa đất có tứ cận: Phía bắc giáp đất của ông Nguyễn Đăng T; phía

Đông giáp suối, phía tây giáp đất ông L (người Hà Lan, phường Thống Nhất, thị xã B); phía Nam giáp đất ông Y Hiền và 3 chủ thửa đất khác. Hiện nay thửa đất này tôi đã phá cà phê để trồng khoai lang.

- Thửa đất thứ hai là thửa đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924 m², thửa đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa đất có tứ cận: Phía bắc giáp đất của ông Nguyễn Đăng K, ranh giới là một phần đường đất và hàng cau của tôi trồng năm 2015; phía Đông giáp suối, phía tây giáp đất bà T, có ranh giới là hàng rào lưới B40, cọc bê tông của bà T; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đăng T. Hiện nay tôi đã phá cà phê và trồng khoai lang, riêng phần giáp suối tôi có trồng khoảng hơn 100 cây mắc ca năm 2019. Trên đất còn chòi rẫy tôi xây năm 1997, mái lợp ngói.

Quá trình sử dụng đất, thửa đất thứ hai của tôi là thửa đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924 m² (trước đây theo trích lục, bản đồ cũ là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18500 m²) đã bị Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Y B HWing không rõ lý do vào ngày 01/01/1998, sau đó ông Y B HWing chết, các thành viên gia đình hộ ông Y B HWing đã ký văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản thừa kế ngày 08/4/2015, được UBND xã E chứng thực ngày 11 tháng 5 năm 2015 với nội dung để lại toàn bộ phần đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924 m² của tôi cho bà H Niê và chồng là ông Y O Ktla (là con ruột và con rể ông Y B HWing), sau đó bà H Niê và ông Y O ktla được UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ số BV 541736 ngày 25/5/2015 với diện tích 18.500m², mục đích đất trồng cây hằng năm.

Vào tháng 02/2022 tôi đến UBND xã E để xin thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho gia đình tôi thì được biết trên thửa đất của tôi đã được cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Y B HWing, đến năm 2015 bà H Niê và ông Y O Ktla thừa kế lại quyền sử dụng đất cho con gái H Niê. Tôi đã nhiều lần liên hệ với bà H Niê và UBND xã hòa giải nhưng bà H M không hợp tác.

Do đó, tôi đề nghị Tòa án giải quyết Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 541736 tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà H Niê và ông Y ÔRi Ktla. Buộc UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ đất tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 20 gia đình tôi.

* Bà Đinh Thị H đồng ý với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, không yêu cầu bổ sung gì thêm.

2. Đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H Niê, ông O Ktla trình bày:

H Niê và ông O Ktla là vợ chồng. Trước năm 1994 bố mẹ tôi là ông Y B

Hwing và bà H D Niê khai hoang được mảnh đất có diện tích khoảng 1,8 héc ta, thửa đất tọa lạc tại Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. bố mẹ tôi có canh tác tại diện tích đất này, năm 1995, Nông trường cao su thu hồi đất để trồng cao su nhưng sau đó Nông trường không thực hiện, đến năm 1996, gia đình tôi được cấp bìa lần đầu, sau đó năm 2015 bố mẹ chúng tôi ủy quyền sang tên bìa đỏ cho con gái út thừa đất 1,8 ha nói trên là bà H Niê . Quá trình sử dụng đất chúng không hiểu vì lý do gì ông Nguyễn Đăng T canh tác trên diện tích đó khoảng năm 1997 cho đến hiện nay. Lý do chúng tôi không khiếu kiện đến chính quyền địa phương là do thời điểm đó, gia đình tôi khó khăn, không có điều kiện làm việc nên không để ý tới mảnh đất này, đến năm 1999 bố tôi là ông Y B Hwing mất thì chúng tôi không ai để ý đến chuyện đất đai vì còn nhỏ. Ngoài diện tích đất trên hiện nay do ông Nguyễn Đăng T quản lý sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chúng tôi thì ông Y B Hwing và bà H D Niê còn để lại cho bà H Niê diện tích đất khoảng 1 hecta, tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa có giấy CNQSDĐ, thửa đất này cách xa thửa đất do ông Nguyễn Đăng T đang sử dụng.

Từ thời điểm khoảng sau năm 1997, ông T sử dụng thửa đất nói trên, sử dụng mục đích sử dụng vào mục đích gì chúng tôi không rõ, thửa đất có tứ cận hiện nay như thế nào chúng tôi không rõ.

Vào năm 2015 thì cả gia đình ủy quyền cho bà H Niê nhận thừa kế đối với thửa đất trên thông qua văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế. Theo phong tục tập quán của người đồng bào Ê Đê thì tài sản được phân chia cho con gái út.

Sau đó bà H Niê và ông Y O ktla được UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ, vào năm 2015 đến nay, chúng tôi thế chấp Giấy CNQSDĐ nói trên cho Ngân hàng TMCP D, chi nhánh huyện C để vay với số tiền 200.000.000 đồng, khoản vay dài hạn, hiện nay chúng tôi còn nợ 170.000.000 đồng của Ngân hàng D. Việc chúng tôi thế chấp thì thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng và phòng Tài nguyên và môi trường, thời điểm cho vay, phía Ngân hàng có xuống nhà chúng tôi là bà H Niê và ông Y O Ktla xuống thăm định đất, nhưng Ngân hàng không cho vay 200.000.000 đồng nên chúng tôi có thể chấp thêm Giấy CNQSDĐ của Nhà ở để đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng nói trên. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết việc Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 541736 tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà H Niê và ông Y O Ktla thì chúng tôi có ý kiến như sau: Thứ nhất, đề nghị Tòa án làm rõ lý do tại sao bà H Niê và ông Y O Ktla đứng tên thửa đất nhưng lại yêu cầu hủy; Thứ hai, gia đình tôi đang khó khăn, nên việc ông T cần lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì đề nghị ông T trả tiền cho Ngân hàng D khoản tiền bà H Niê và ông Y O Ktla còn nợ, sau khi trả khoản nợ đó thì ông T tự liên hệ phòng Tài Nguyên

và Môi trường xóa thế chấp, tự điều chỉnh thông tin khi ông T có nhu cầu.

3. Đại diện theo ủy quyền của UBND xã E – ông Trần Tuấn Đạt trình bày:

Ngày 01/7/2022 UBND xã E có nhận được đơn kiến nghị của ông Nguyễn Đăng T về việc đề nghị hủy Giấy CNQSDĐ do UBND huyện C cấp cho bà H Niê đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ số 30, diện tích 18500 m², lý do cấp Giấy CNQSDĐ chồng sang đất của ông.

Nhận được đơn kiến nghị, UBND xã E thành lập Hội đồng hòa giải theo quy định của pháp luật, chỉ đạo bộ phận chuyên môn tiến hành kiểm tra thực địa, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

Qua kết quả kiểm tra thực địa thửa đất, hiện trạng do ông Nguyễn Đăng T đang sử dụng từ năm 1990, trong quá trình sử dụng ông T không có tranh chấp, khiếu nại nào. Nguồn gốc tự khai hoang năm 1990, có đơn xác nhận của UBND xã.

Kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30. Sổ địa chính trang 22, thửa đất số 50, tờ bản đồ 30, diện tích 18.500m² cấp cho ông Y B Hwing; địa chỉ buôn Y, xã E, năm 2015 thừa kế cho con gái bà H Niê ; số Giấy CNQSDĐ BV 541736 do UBND huyện C cấp ngày 25/5/2015.

Ngày 15/7/2022, Hội đồng hòa giải tiến hành mời các bên tranh chấp, tuy nhiên chỉ có ông Nguyễn Đăng T có mặt. Bà H M vắng mặt không có lý do. Ngày 15/8/2022 Hội đồng hòa giải tiếp tục mời các bên tuy nhiên bà H M tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của UBND xã E: Qua kết quả kiểm tra thực địa thửa đất, hiện trạng do ông Nguyễn Đăng T đang sử dụng từ năm 1990, trong quá trình sử dụng ông T không có tranh chấp, khiếu nại nào, nguồn gốc tự khai hoang năm 1990, có đơn xác nhận của UBND xã. Do vậy việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Y B Hwing năm 1996 nay thừa kế cho bà H Niê có thể là nhầm lẫn sai sót. Tuy nhiên do ông Y B đã chết còn bà H Niê vắng mặt do đi làm ăn xa nên UBND xã chưa làm việc được với bà H Niê. Do đó, chưa có thể đưa ra kết luận chính xác. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục xác minh, làm rõ.

4. Đại diện Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện C trình bày: Ngày 11/6/2019 Ngân hàng TMCP D, chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K 0290/TC19 với ông Y O Ktla với bà H Niê, được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Bá Kính, tài sản thế chấp bao gồm:

Tài sản thứ nhất: Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 541737 ngày 25/5/2015 do UBND huyện C cấp thửa đất số 224, tờ bản đồ số 28, diện tích 3015m², mục đích đất ở: 300m², đất trồng cây lâu năm 2715m², tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản thứ hai: Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 541736 ngày 25/5/2015 do UBND huyện C cấp thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m², mục đích đất trồng cây lâu năm, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 11/6/2019.

Căn cứ vào hợp đồng thế chấp đất giữa các bên ngày 21/6/2022. Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng với ông Y O Ktla với bà H Niê ; địa chỉ xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 170 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 21/6/2022 đến ngày 21/6/2023. Tài sản thế chấp được ký kết trong hợp đồng là 02 tài sản nêu trên.

Yêu cầu của Ngân hàng: Đề nghị ông Y O Ktla với bà H Niê thanh toán toàn bộ khoản vay tại ngân hàng trước khi ngân hàng xuất trả tài sản hiện đang thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay tại ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập, yêu cầu, quyết định về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ tuy nhiên người bị kiện UBND huyện C, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Nội dung vụ án như trên, **Bản án sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Áp dụng Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 105; Điều 106 Luật đất đai 2013; Điều 76; điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng T;

- Hủy Giấy CNQSDĐ số BV 541736 do UBND huyện C cấp ngày 25/5/2015 cho bà H Niê, ông Y O Ktla tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² tọa lạc tại xã E, huyện C.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ đất tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 20 gia đình ông Nguyễn Đăng T ông Nguyễn Đăng T được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 01/4/2023, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà H Niê và ông Y O Ktla (Người Kháng cáo) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số BV 541736 do UBND huyện C cấp ngày 25/5/2015 cho bà H Niê, ông Y O ktla tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² tọa lạc tại xã E, huyện C.

Tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà H Niê và chồng là ông Y O Ktla vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y O Ktla và bà H Niê đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H Niê và Y O Ktla, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người khởi kiện và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo có mặt, Người bị kiện và những người liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà H Niê và ông Y O Ktla yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số BV 541736 do UBND huyện C cấp ngày 25/5/2015 cho bà H Niê, ông Y O ktla tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² tọa lạc tại xã E, huyện C thì thấy:

[2.1]. Nguồn gốc thửa đất ông Nguyễn Đăng T đang sử dụng là một phần diện tích đất do hộ ông T khai hoang từ năm 1990, có đơn xin sử dụng đất, sử

dụng ổn định, không tranh chấp, khiếu nại gì, có xác nhận của UBND xã nguồn gốc tự khai hoang năm 1990. Vào tháng 02/2022, ông Nguyễn Đăng T đến UBND xã E để xin thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho gia đình ông thì được biết một phần diện tích ông T khai hoang đã được cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Y B H Wing vào ngày 01/01/1998, sau đó ông Y B H Wing chết, các thành viên gia đình hộ ông Y B H Wing đã ký văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản thừa kế ngày 08/4/2015, được UBND xã E chứng thực ngày 11 tháng 5 năm 2015 với nội dung để lại toàn bộ phần đất nay là thửa đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924 m² cho bà H Niê và chồng là ông Y O Ktla (là con ruột và con rể ông Y B H Wing), sau đó bà H Niê và ông Y O Ktla được UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ số BV 541736 ngày 25/5/2015 tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m², mục đích đất trồng cây hằng năm.

[2.2]. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ngày 10/01/2023 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/01/2023 đều thể hiện: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² (theo bản đồ cũ trước năm 2019), tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk hiện nay thì thửa đất này thuộc thửa đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924m² (theo bản đồ năm 2019), do ông Trần Đăng T quản lý, sử dụng. Sự chênh lệch về diện tích giữa tờ bản đồ cũ và mới (đã được số hóa) có sự sai số là do đo đạc trước đây, số liệu đo đạc năm 2019 là kết quả chính xác. Phần đất của ông T bao gồm thửa số 706, tờ bản đồ số 83, diện tích 13.525,1m² và thửa đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924m². Hiện tại do ông Nguyễn Đăng T, vợ là bà Đinh Thị H sử dụng ổn định không có tranh chấp với những người có phần đất giáp ranh xung quanh, có ranh giới xác định rõ ràng (riêng ranh giới giữa 2 thửa 705, 706 không có ranh giới cụ thể). Tờ bản đồ thửa đất số 705, tờ bản đồ số 83, diện tích 16.924m² của ông T hiện sử dụng có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đất ông Nguyễn Đăng K (em trai ông Nguyễn Đăng T), phía Nam giáp thửa đất số 706, tờ bản đồ số 83 do ông Nguyễn Đăng T quản lý, sử dụng từ trước đến nay, phía Tây giáp đất bà Thạch (có công trình năng lượng mặt trời); phía Đông giáp suối; Kích thước, hình thửa các thửa đất đúng với trích lục bản đồ đo đạc năm 2019. Thửa đất số 705 được sử dụng vào mục đích trồng khoai, tài sản trên đất có 01 chòi rẫy kiên cố, mái ngói, tường gạch tô vữa được ông T xây dựng.

[2.3]. Thực tế quản lý và sử dụng đất như trên, có căn cứ để xác định ông Y B H Wing được cấp Giấy CNQSDĐ đất vào năm 1999 là không đúng đối tượng sử dụng đất nên việc bà H Niê, ông Y O Ktla được UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ số BV 541736 ngày 25/5/2015 tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² cũng không đúng đối tượng nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng T, hủy Giấy CNQSDĐ số BV 541736 ngày 25/5/2015 của UBND huyện C cấp cho bà H Niê, ông Y O

Ktla tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà H Niê, ông Y O Ktla kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của bà H Niê, ông Y O Ktla. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm và Quyết định về: Chi phí tố tụng; Án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên những Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của bà H Niê, ông Y O Ktla. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: các Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 105; Điều 106 Luật đất đai 2013; Điều 76, điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng T;

Hủy Giấy CNQSDĐ số BV 541736 do UBND huyện C cấp ngày 25/5/2015 cho bà H Niê, ông Y O Ktla tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.500m² tọa lạc tại xã E, huyện C.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà H Niê và ông Y O Ktla phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001589 ngày 19/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm và Quyết định về: Chi phí tố tụng; Án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến